

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2023

Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Núi

2. Ông Ngô Văn Bi

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Y. C, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn V. Đ, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(chị Nguyễn Thị Y. C xin vắng mặt, anh Nguyễn V. Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 28/6/2023 và các lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y. C trình bày:* Chị và anh Đ quen biết tìm hiểu nhau vào năm 20xx, đến năm 20xx thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 6 năm 20xx tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới thì vợ chồng đi làm ở Bình Dương, cũng có lục đục do anh Đ cờ bạc, sau đó đến năm 20xx thì vợ chồng về quê cất nhà ở tại ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang sống cho

đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn lo cho vợ con, không quan tâm đến vợ con, chị đã chịu đựng, trả nợ thay anh Đ nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/20xx, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ly thân từ đó đến nay. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T. T, sinh ngày 08/5/20xx và Nguyễn T. K, sinh ngày 08/5/20xx. Đối với Nguyễn T. T đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu K, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự Ki ngày 25/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn V. Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng như chị C trình bày, nay anh đã ăn năn hối lỗi, hứa bỏ cờ bạc, chăm lo cho gia đình, xin chị C cơ hội để hàn gắn gia đình. Nay anh không đồng ý ly hôn, lý do còn thương vợ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T. T, sinh ngày 08/5/20xx và Nguyễn T. K, sinh ngày 08/5/20xx. Đối với Nguyễn T. T đã trưởng thành, có khả năng lao động được, anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu K, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y. C, chị C được ly hôn với anh Nguyễn V. Đ. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn T. K, sinh ngày 08/5/20xx cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị C và anh Đ tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị C thì thấy: Nguyên nhân chị xin ly hôn do anh Đ thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn lo cho vợ con, không quan tâm đến vợ con, chị đã chịu đựng, trả nợ thay anh Đ nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Phía anh Đ không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ nhưng anh cũng thừa nhận có những mâu thuẫn như chị C trình bày và đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Anh Đ không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị C luôn né tránh anh. Nhận thấy, anh chị tiến đến hôn nhân dù trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới, vợ chồng đã sống ly thân và nay chị C xác định không còn tình cảm với anh Đ. Cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung Nguyễn T. T, sinh ngày 08/5/20xx và Nguyễn T. K, sinh ngày 08/5/20xx. Đối với Nguyễn T. T đã trưởng thành, có khả năng lao động được, anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu K, hiện cháu đang sống với chị C, đồng thời cháu K và cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị C, giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị C yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y. C

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y. C được ly hôn với anh Nguyễn V. Đ.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn T. K, sinh ngày 08/5/20xx cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị C chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị An và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y. C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008615 ngày 29/6/2023 của C cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị C đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị C, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm